

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Lan Anh  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN NHẬT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Lan Anh  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Vũ Thị Lan Anh

Mã SV: 1412401125

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.
  - Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.
  - Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Sử dụng số liệu kế toán năm 2016 phục vụ cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật
  - Địa chỉ: Số 78 Lý Thánh Tông, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày    tháng    năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày    tháng    năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Vũ Thị Lan Anh

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

ThS. Phạm Thị Nga

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2018*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: **Phạm Thị Nga**  
Đơn vị công tác: Khoa QTKD – Đại học Dân lập Hải Phòng  
Họ và tên sinh viên: **Vũ Thị Lan Anh** Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán  
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

Nội dung hướng dẫn:

- Tập hợp các vấn đề lý luận về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định chế độ kế toán hiện hành.
- Khảo sát thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật năm 2016
- Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật và xây dựng các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp.

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- Ý thức tốt, nghiêm túc và cầu thị trong nghiên cứu.
- Hoàn thành bài đúng tiến độ

**2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- Khóa luận đã giải quyết được yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
- Số liệu minh họa chi tiết, rõ ràng
- Các biện pháp đề xuất phù hợp với thực trạng phân tích và có tính khả thi

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....*

**Giảng viên hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	11
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.</b> .....	12
1.1. Doanh thu và kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	12
1.1.1. Khái niệm về doanh thu. ....	12
1.1.2. Kế toán doanh thu. ....	13
1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu .....	13
1.1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. ....	14
1.1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính. ....	16
1.1.2.4. Thu nhập khác .....	18
1.2. Chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	21
1.2.1. Khái niệm về chi phí. ....	21
1.2.2. Kế toán chi phí. ....	22
1.2.2.1. Nguyên tắc kế toán chi phí .....	22
1.2.2.2. Chi phí giá vốn hàng bán .....	22
1.2.2.3. Chi phí quản lý kinh doanh. ....	26
1.2.2.4. Chi phí tài chính .....	29
1.2.2.5. Chi phí hoạt động khác. ....	32
1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh .....	34
1.3.1. Khái niệm .....	34
1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh. ....	34
1.3.3. Chứng từ sử dụng. ....	35
1.3.4. Tài khoản sử dụng. ....	35
1.3.5. Sơ đồ hạch toán. ....	35
1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	36
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung. ....	36
1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái. ....	37
1.4.3. Hình thức Chứng từ - Ghi sổ. ....	38

<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN NHẬT</b> .....	39
2.1. Tổng quan về Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.....	39
2.1.1. Giới thiệu về Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.....	39
2.1.2. Thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.....	39
2.1.3. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật. ....	40
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật. ....	40
2.1.4.1. Đặc điểm của bộ máy kế toán.....	40
2.1.4.2. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.....	42
2.1.4.3. Hình thức ghi sổ kế toán của công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.....	42
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.....	43
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.....	43
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng: .....	43
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật .....	51
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật .....	51
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	51
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	51
2.2.3.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	52
2.2.4. Kế toán các khoản thu nhập khác tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật. ....	57
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng: .....	57
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng tại công ty.....	57
2.2.4.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	57
2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật ..	57
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng: .....	57
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng tại công ty.....	58
2.2.5.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	58



2.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật .....	63
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng: .....	63
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng tại công ty.....	63
2.2.6.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	64
2.2.7. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật....	71
2.2.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	71
2.2.7.2. Tài khoản sử dụng .....	71
2.2.7.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	71
2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật. ....	76
2.2.8.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	76
2.2.8.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng .....	76
2.2.8.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	76
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN NHẬT.....</b>	<b>85</b>
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.....	85
3.1.1. Ưu điểm của công ty.....	85
3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.....	86
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.....	86
3.2.1. Giải pháp 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	86
3.2.2. Giải pháp 2: Doanh nghiệp nên áp dụng các phần mềm kế toán. ....	89
3.2.3. Giải pháp 3: Cập nhật hệ thống các sổ sách và chứng từ.....	90
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>96</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>97</b>

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU	Ý NGHĨA
2	BĐSDT	Bất động sản đầu tư
3	CK	Chuyên khoản
1	GTGT	Giá trị gia tăng
4	NVL	Nguyên vật liệu
5	QLKD	Quản lý kinh doanh
6	SH	Số hiệu
7	SHTKĐƯ	Số hiệu tài khoản đối ứng
8	TK	Tài khoản
9	TM	Tiền mặt
10	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
11	BCC	Hợp đồng hợp tác kinh doanh
12	BĐSDT	Bất động sản đầu tư
13	TSCĐ	Tài sản cố định
14	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

## LỜI MỞ ĐẦU

Kinh tế nước ta ngày càng phát triển, thu nhập của người tiêu dùng càng ngày càng được cải thiện, làm cho nhu cầu tiêu thụ các loại mặt hàng tăng lên, trong đó có một loại mặt hàng với tên gọi là đồ uống. Đồ uống là tên gọi chung cho các sản phẩm như rượu, bia, nước giải khát,... là một mặt hàng quan trọng không thể thiếu được trong mỗi gia đình, nhà hàng, khách sạn,... Nên đây là một lĩnh vực có tiềm năng lớn, có nhiều không gian cho doanh nghiệp phát triển. Nhưng đây cũng là một lĩnh vực có nhiều sự cạnh tranh gay gắt, với rất nhiều các công ty, đại lý liên quan được thành lập và xây dựng lên. Để mang lại hiệu quả trong quá trình kinh doanh để đạt kết quả kinh doanh cao nhất doanh nghiệp cần biết cách phân bổ cũng như điều tiết giữa các khoản chi phí và doanh thu một cách hợp lý. Kế toán là bộ phận giúp chủ doanh nghiệp nắm bắt được tình hình kinh doanh cũng như chi tiêu trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đối với đất nước.

Qua thời gian thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật em đặc biệt quan tâm đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, do đó em xin chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật” làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 phần:

Phần 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phần 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.

Phần 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ban Giám Đốc, các anh chị trong phòng kế toán của công ty cùng sự hướng dẫn của cô giáo – ThS. Phạm Thị Nga, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định công tác kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

# CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

## 1.1. Doanh thu và kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### 1.1.1. Khái niệm về doanh thu.

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền. Có các loại doanh thu như:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyên, phí lắp đặt...) nếu có.

- Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).
  - Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
  - Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất.
  - Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
  - Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
  - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
  - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
    - Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.
    - Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

### **1.1.2. Kế toán doanh thu**

#### *1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu*

- Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì kế toán phải căn cứ vào bản chất giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.
  - Một hợp đồng kinh tế có thể bao gồm nhiều giao dịch. Kế toán phải nhận biết các giao dịch để áp dụng các điều kiện ghi nhận doanh thu phù hợp.
  - Doanh thu phải được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn là hình thức hoặc tên gọi của giao dịch và phải được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa, dịch vụ.
  - Đối với các giao dịch làm phát sinh nghĩa vụ của người bán ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, doanh thu phải được phân bổ theo giá trị hợp lý của từng nghĩa vụ và được ghi nhận khi nghĩa vụ đã được thực hiện.
- Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế. Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã

phát sinh dòng tiền hay chưa. Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản, nợ phải trả không được coi là chưa thực hiện do tại thời điểm đánh giá lại, đơn vị đã có quyền đối với tài sản và đã có nghĩa vụ nợ hiện tại đối với các khoản nợ phải trả

- Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba.
- Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo đúng quy định của pháp luật. Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.
- Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

*1.1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.* Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

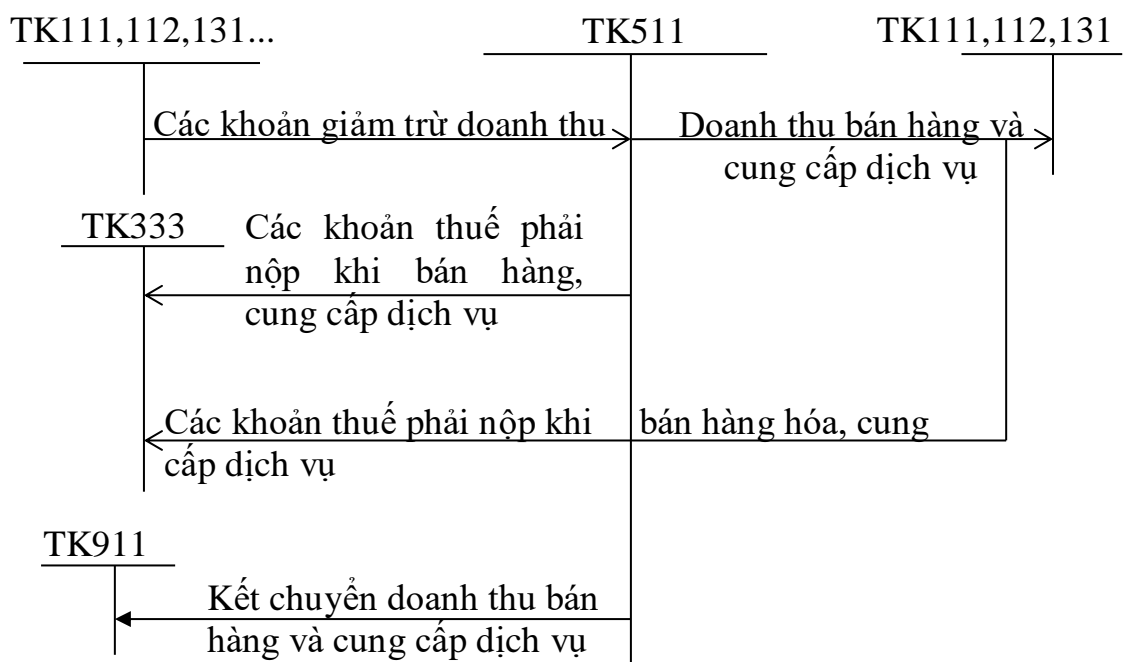
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 4 tài khoản cấp 2:

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK5118 – Doanh thu khác.

- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT).</li> <li>- Các khoản giảm trừ doanh thu.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

- Chứng từ sử dụng:  
 Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán như sau:
  - Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
  - Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận.
  - Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng, séc thanh toán...
  - Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...
- Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Cách hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính

Doanh nghiệp chiết khấu thương mại cho khách hàng:

Nợ TK 511: phần chiết khấu cho khách hàng chưa thuế GTGT

Nợ TK 333: phần thuế GTGT trên giá hàng chiết khấu cho khách

Có TK 111,112, 131...: tổng giá trị chiết khấu cho khách

Doanh nghiệp giảm giá hàng bán cho khách hàng:

Nợ TK 511: giá trị giảm giá hàng bán cho khách hàng chưa thuế GTGT

Nợ TK 333: phần thuế GTGT trên giá trị giảm giá hàng bán

Có TK 111,112, 131...: tổng giá trị giảm giá hàng bán

Doanh nghiệp chấp nhận lại hàng đã bán:

Nợ TK 511: giá trị hàng bán bị trả lại chưa thuế GTGT

Nợ TK 333: phần thuế GTGT của số hàng đã bán bị trả lại

Có TK 111,112, 131...: tổng giá trị hàng bán bị trả lại

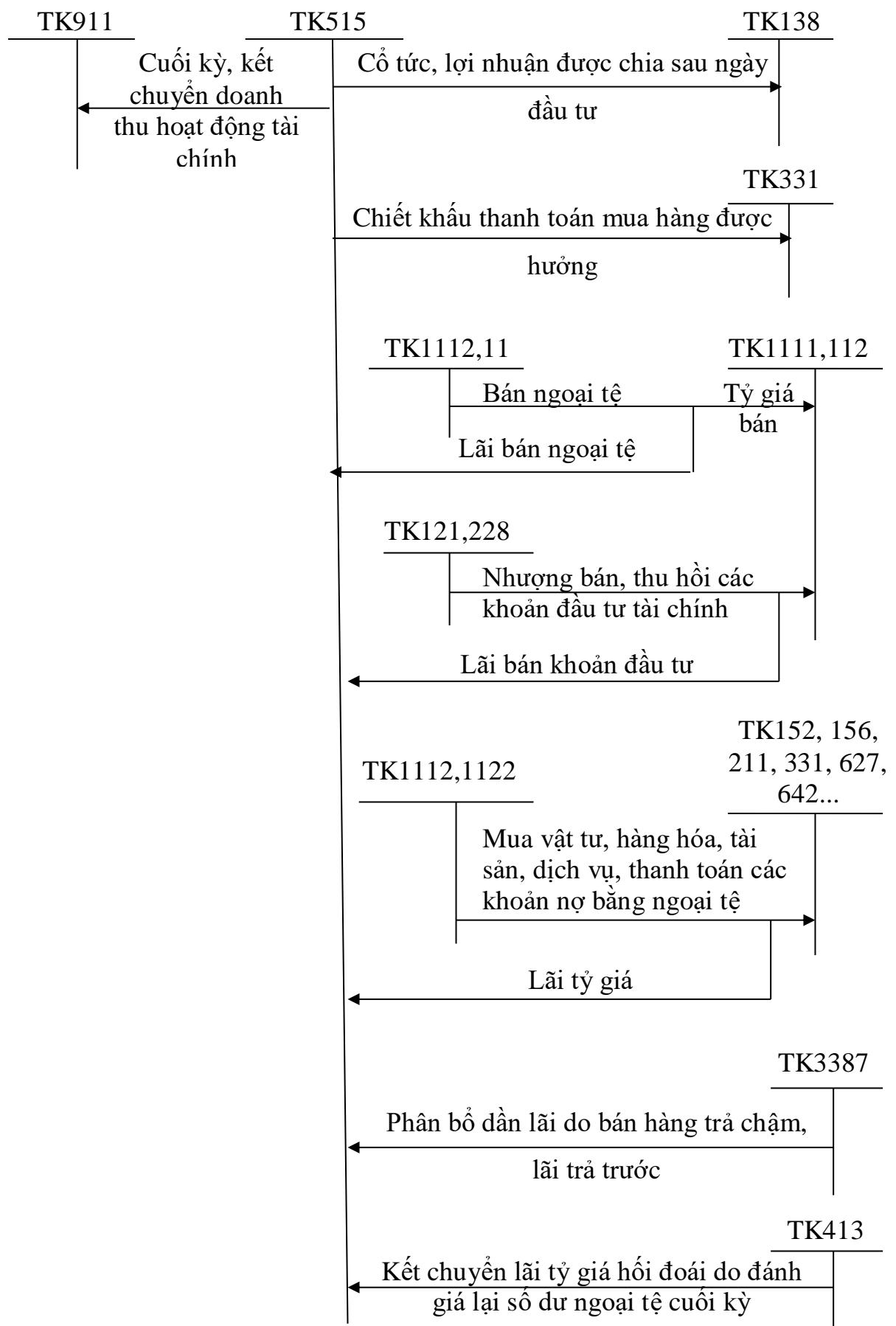
### 1.1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

- Chứng từ sử dụng:
  - Giấy báo lãi, Giấy báo Có của ngân hàng.
  - Bản sao kê của ngân hàng.
  - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác.
- Sơ đồ hạch toán





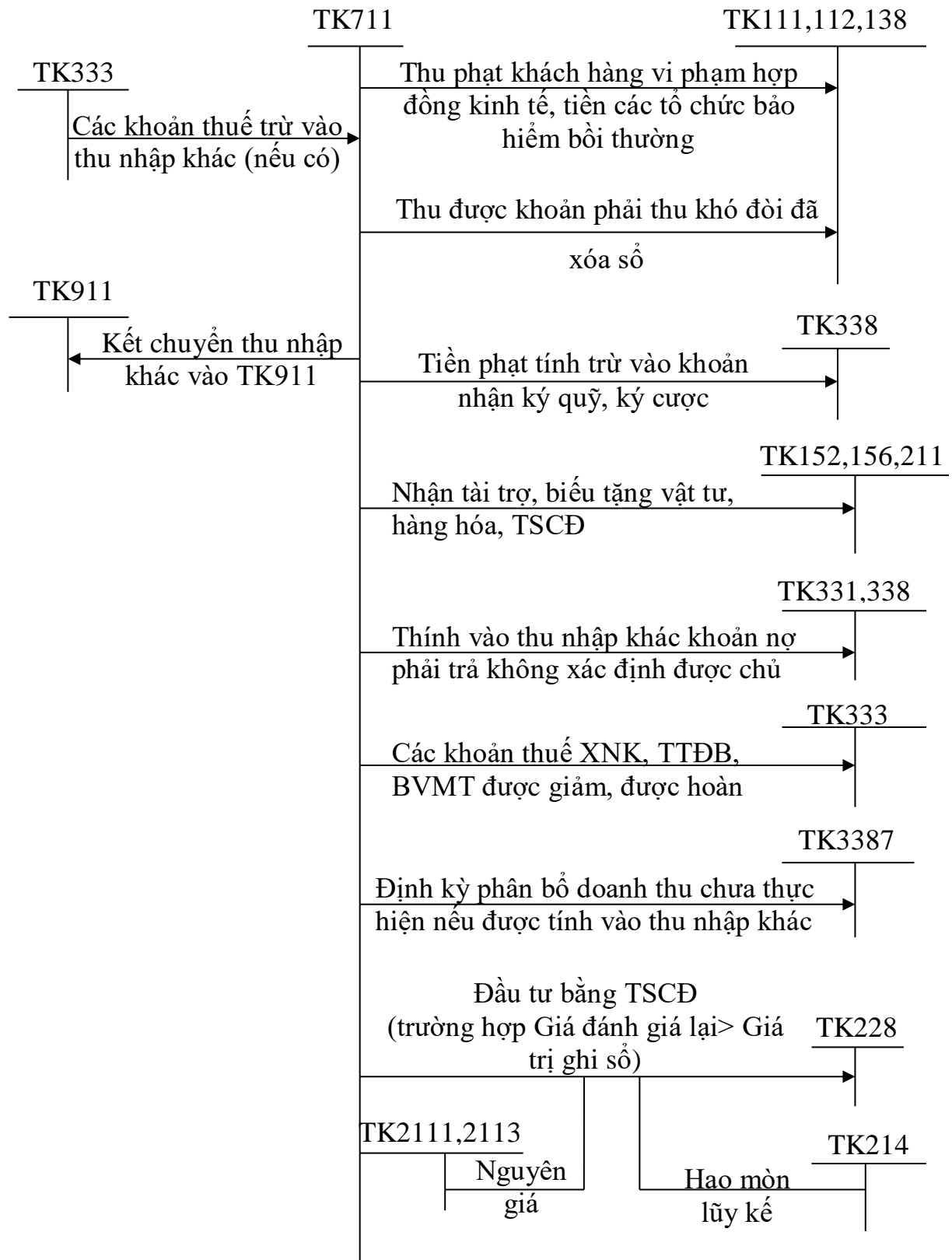
Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

## 1.1.2.4. Thu nhập khác

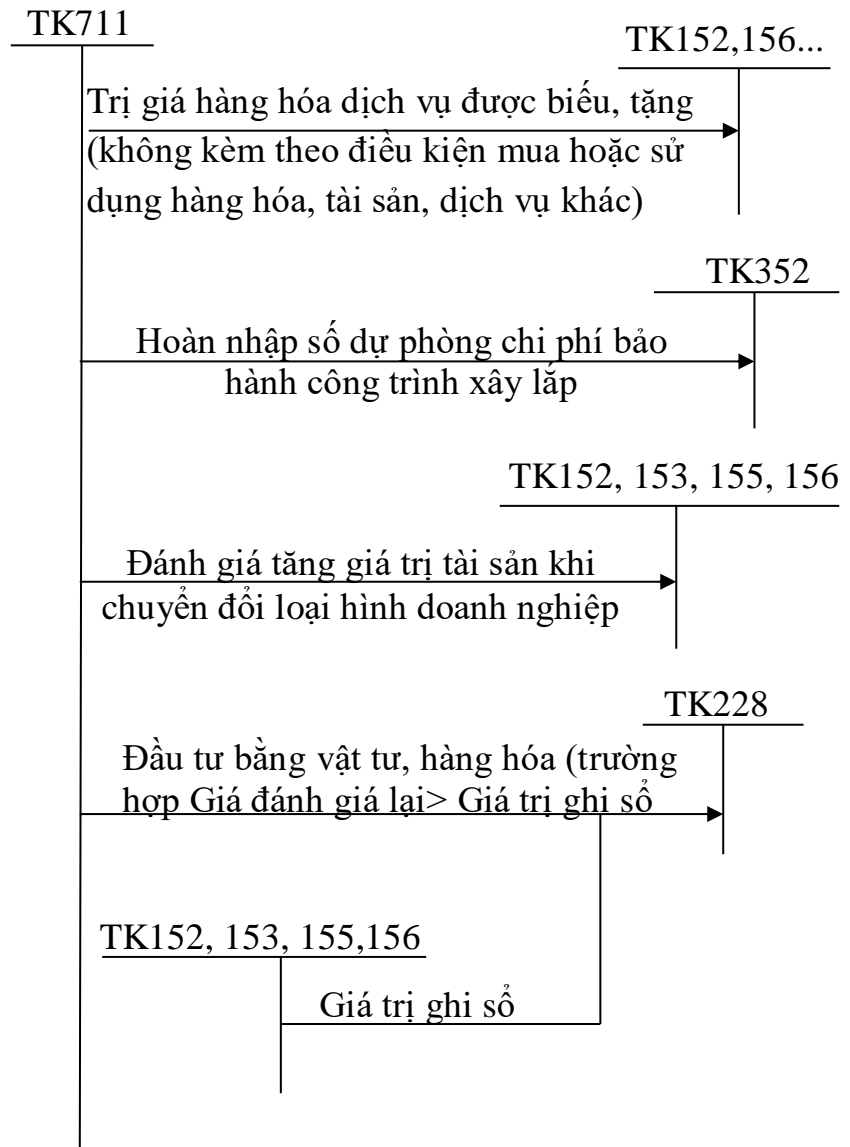
- Tài khoản sử dụng  
*Tài khoản 711: Thu nhập khác*
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp</li> <li>- Kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

- Chứng từ sử dụng
  - Phiếu thu
  - Giấy báo Có của ngân hàng
  - Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
  - Các chứng từ khác có liên quan...
- Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác (tiếp)

## 1.2. Chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### 1.2.1. Khái niệm về chi phí.

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Bao gồm:

- Chi phí giá vốn hàng bán: Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp (đối với các doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

- Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng; chi phí khấu hao tài sản cố định; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch chứng khoán
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ. Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

- Chi phí hoạt động khác: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá vỡ.
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính
- Các khoản chi phí khác

### 1.2.2. Kế toán chi phí.

#### 1.2.2.1. Nguyên tắc kế toán chi phí

- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

- Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

- Các khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

#### 1.2.2.2. Chi phí giá vốn hàng bán

❖ Các phương pháp xác định giá vốn

- Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp này giá xuất kho hàng hóa được tính theo đơn giá bình quân

$$\text{Giá thực tế NVL, hàng hóa xuất dùng} = \frac{\text{Số lượng xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}}{\text{Số lượng xuất dùng}}$$

- Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp bình quân cuối kỳ trước

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ)}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ)}}$$

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO): hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ

- Phương pháp thực tế đích danh: theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

❖ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

❖ Kết cấu tài khoản: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.</li> <li>+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</li> <li>+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự</li> </ul> </li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”</li> <li>• Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> <li>• Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).</li> <li>• Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được</li> </ul>

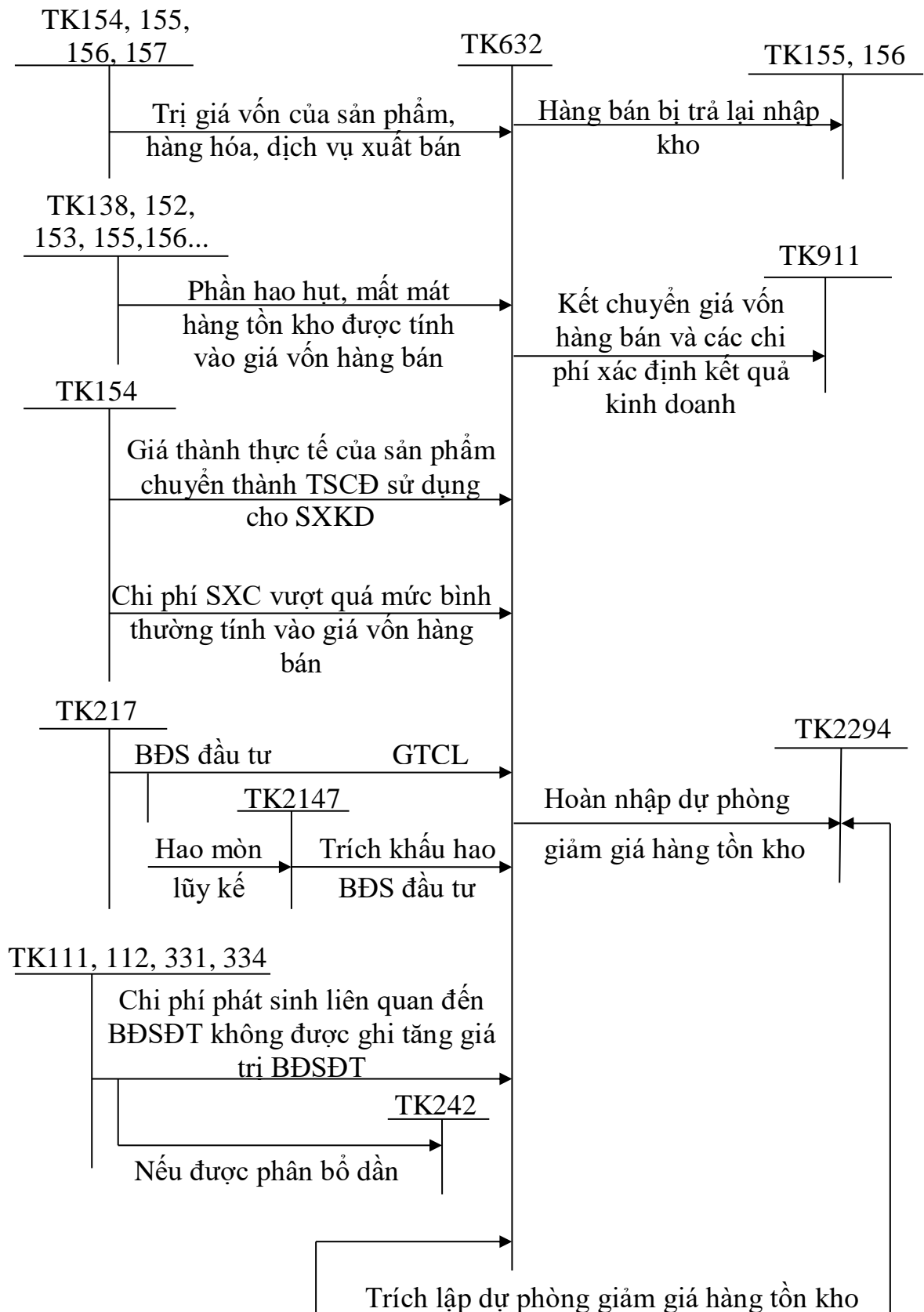
<p>phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ.</li> <li>+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT.</li> <li>+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ</li> <li>+ Giá trị còn lại của BĐSĐT bán , thanh lý trong kỳ.</li> <li>+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ</li> <li>+ Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá</li> <li>+ Chi phí trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.</li> </ul> </li> </ul>	<p>sau khi hàng mua đã tiêu thụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại</li> <li>• Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại</li> </ul>
<p>Tổng phát sinh nợ</p>	<p>Tổng phát sinh có</p>

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho



❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán  
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

### 1.2.2.3. Chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản sử dụng

*Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh*

Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

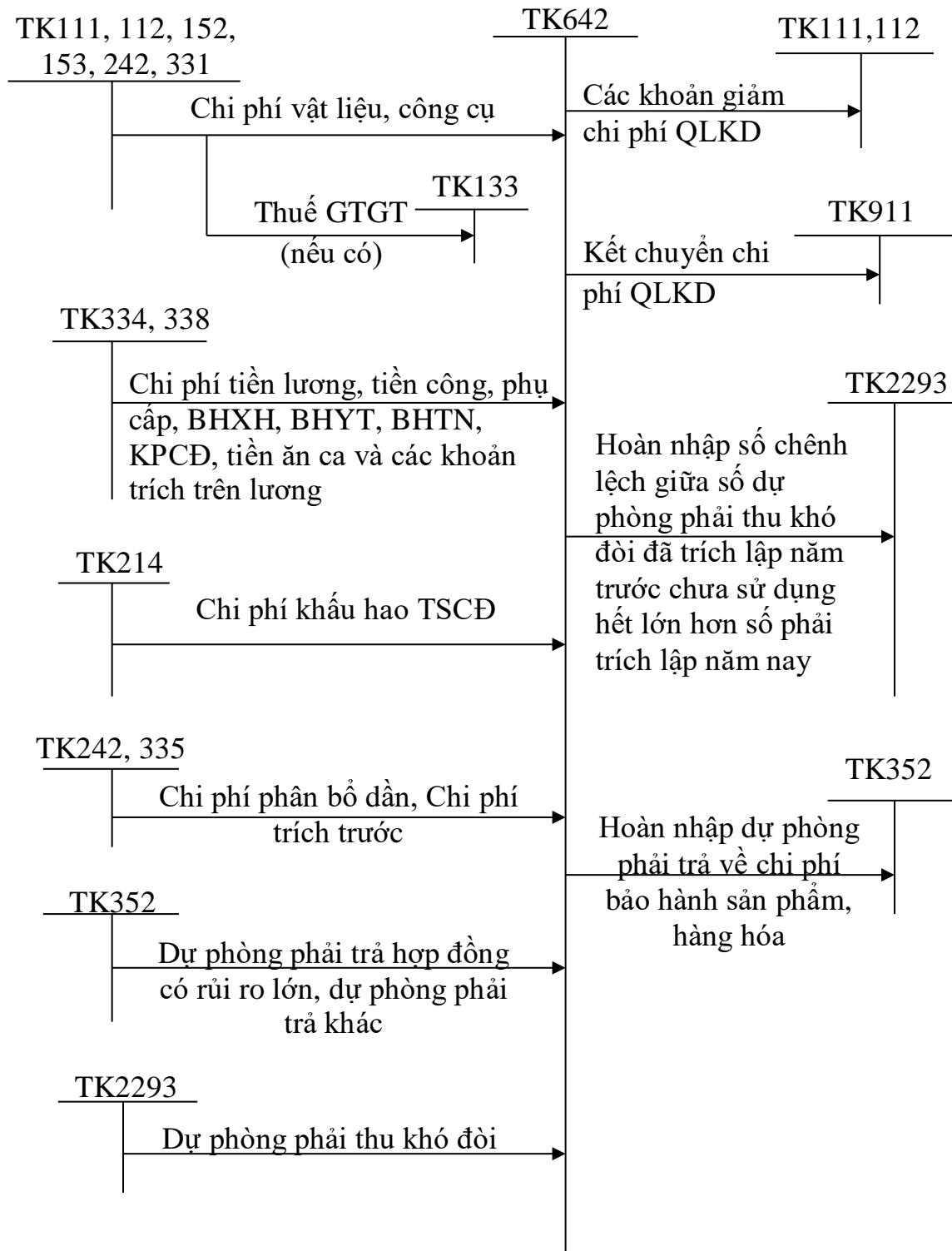
TK 6421 – Chi phí bán hàng

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

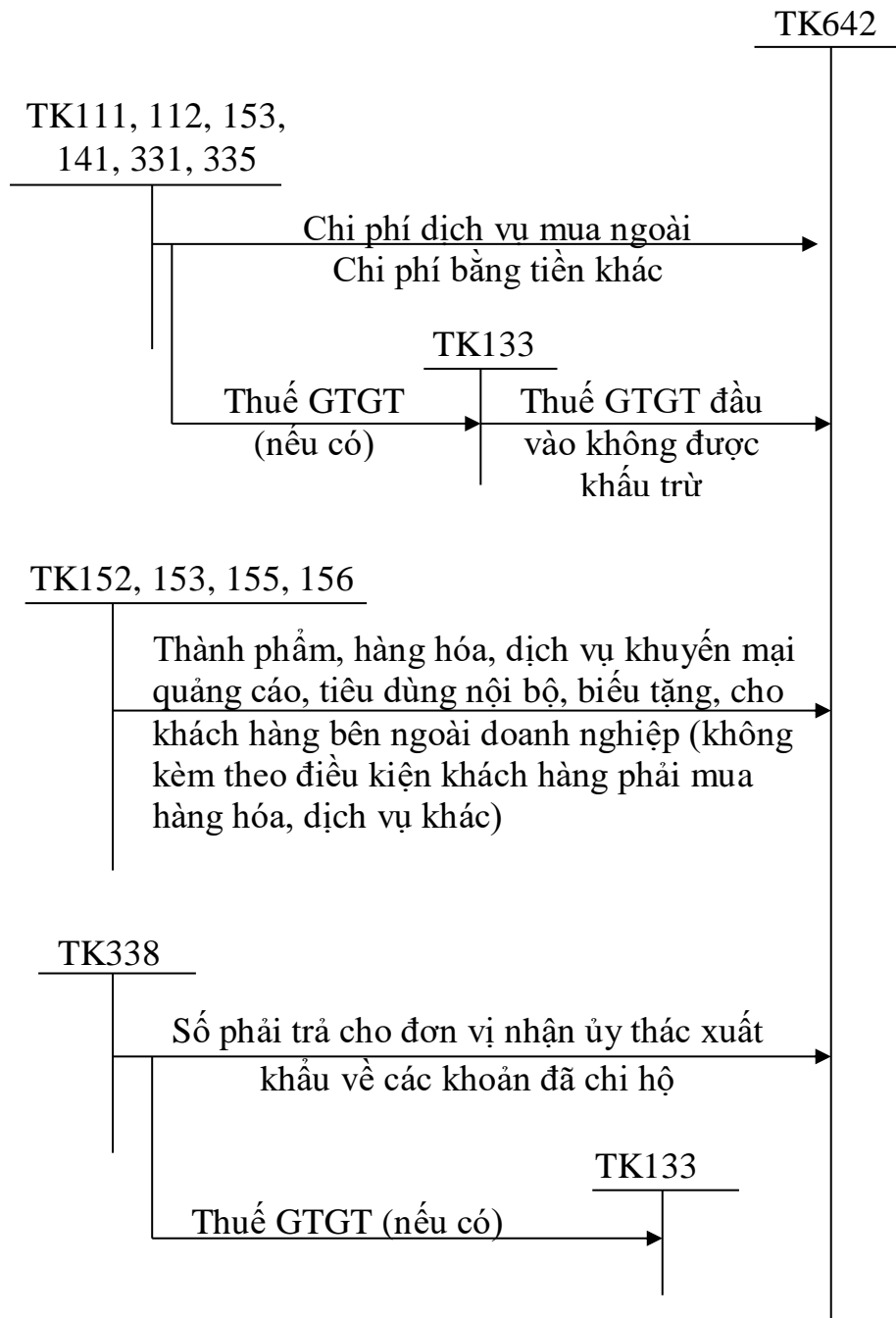
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải trả lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản được ghi giảm chi phí kinh doanh.</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)</li> <li>- kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

- Chứng từ sử dụng
  - Bảng tính và phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
  - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
  - Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
  - Hoa đơn GTGT
  - Phiếu chi, giấy báo nợ
  - Các chứng từ có liên quan khác
- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



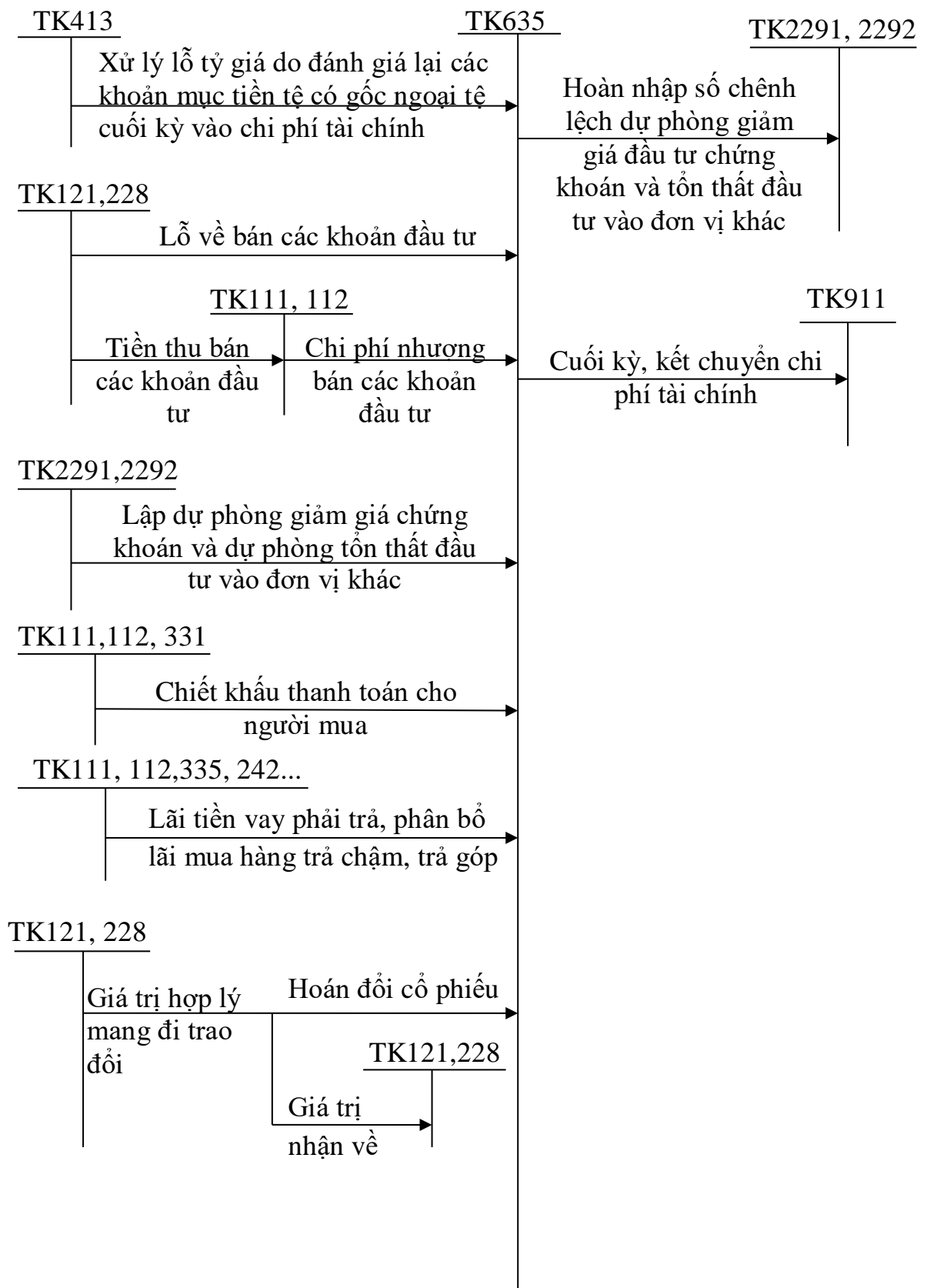
Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh (tiếp)

1.2.2.4. Chi phí tài chính

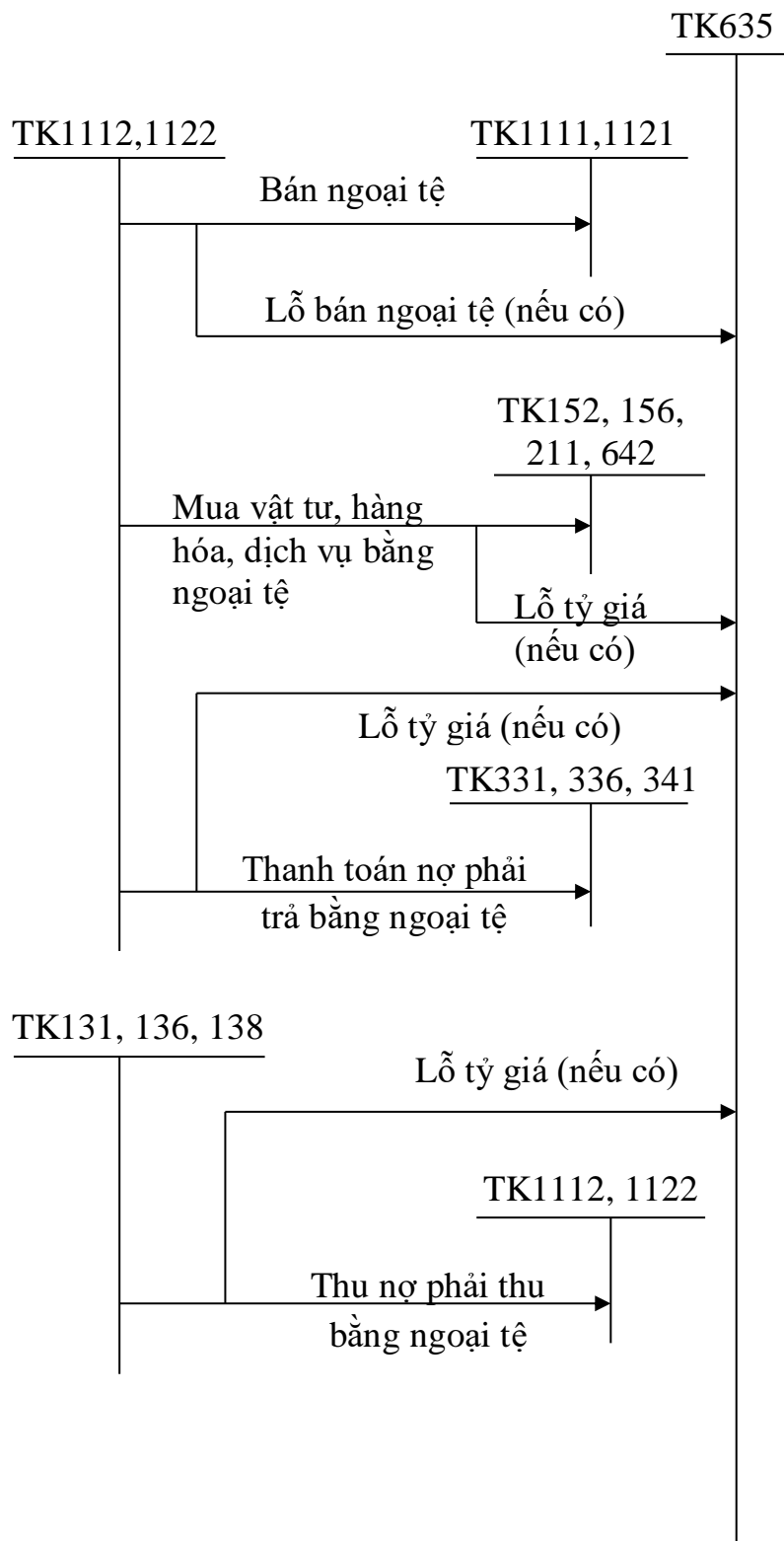
- Tài khoản sử dụng  
*Tài khoản 635 – Chi phí tài chính*
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản tài chính phát sinh trong kỳ</li> <li>• Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)</li> <li>• Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính</li> <li>• Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
<b>Tổng phát sinh nợ</b>		<b>Tổng phát sinh có</b>

- Chứng từ sử dụng
  - Giấy báo lãi, Giấy báo Có của ngân hàng
  - Bản sao kê của ngân hàng
  - Phiếu kế toán
  - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác
- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí tài chính



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí tài chính (tiếp)

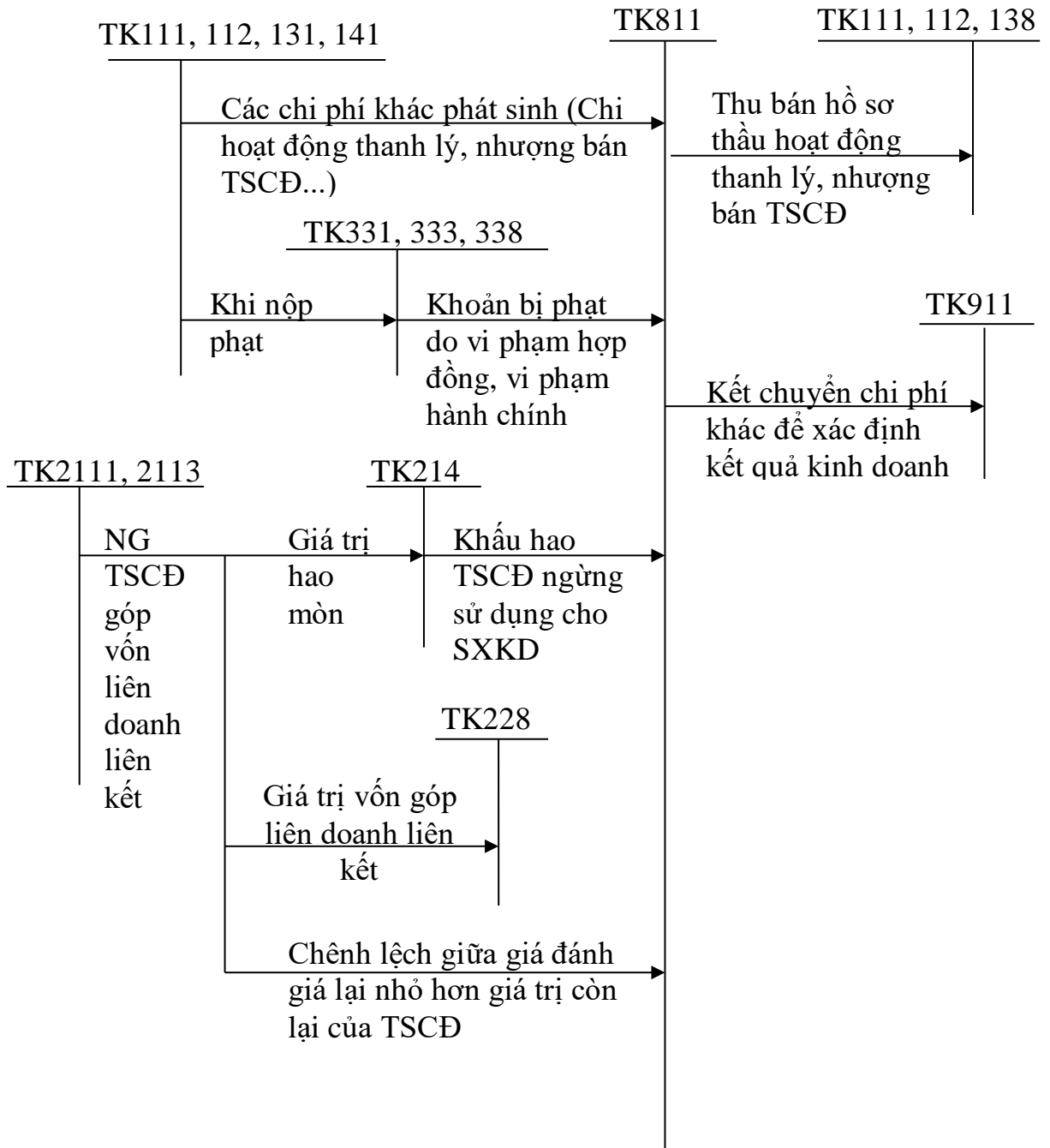
## 1.2.2.5. Chi phí hoạt động khác

- Tài khoản sử dụng  
*Tài khoản 811 – Chi phí khác*
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

- Chứng từ sử dụng
  - Phiếu chi
  - Giấy báo Nợ củ ngân hàng
  - Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Sơ đồ hạch toán





Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí khác

### 1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

#### 1.3.1. Khái niệm

Là kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- Kết của hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

#### 1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh.

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} - \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

**1.3.3. Chứng từ sử dụng.**

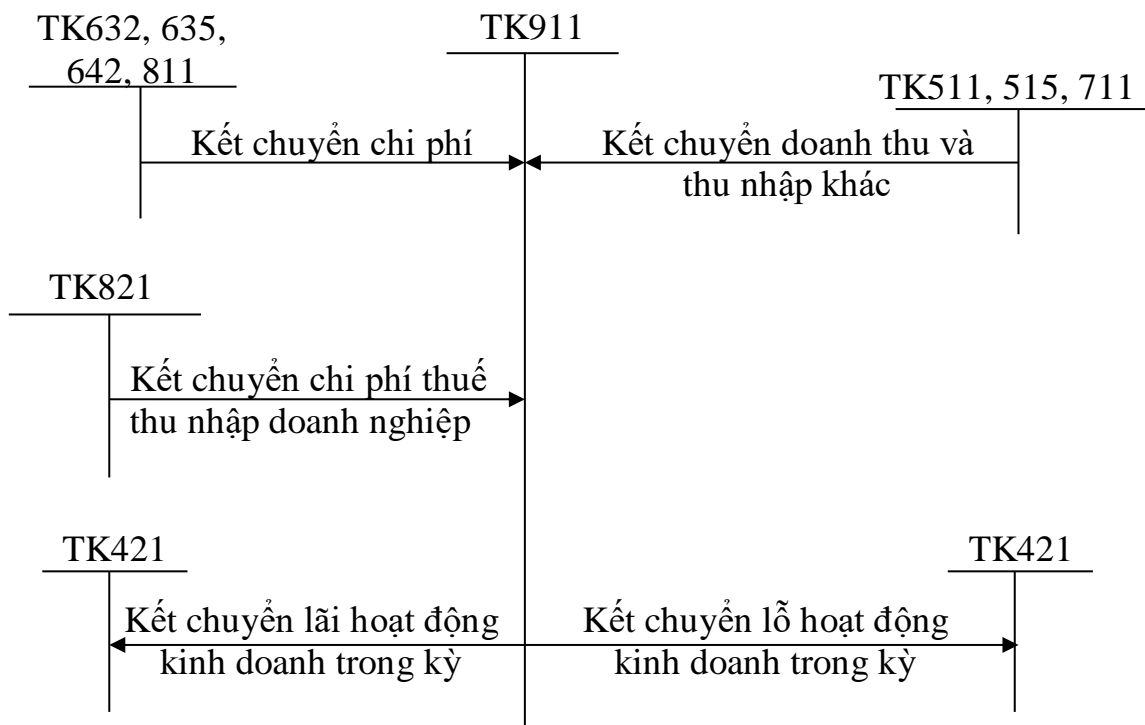
- Phiếu kê toán
- Các chứng từ khác liên quan

**1.3.4. Tài khoản sử dụng.**

*Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh*

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán</li> <li>• Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác</li> <li>• Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</li> <li>• Kết chuyển lãi</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ</li> <li>• Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</li> <li>• Kết chuyển lỗ</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

**1.3.5. Sơ đồ hạch toán.**



*Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh*

#### **1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ Nhật ký, Sổ Cái. Sổ kế toán chi tiết: Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Các hình thức sổ kế toán trong doanh nghiệp gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

##### **1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.**

a) Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

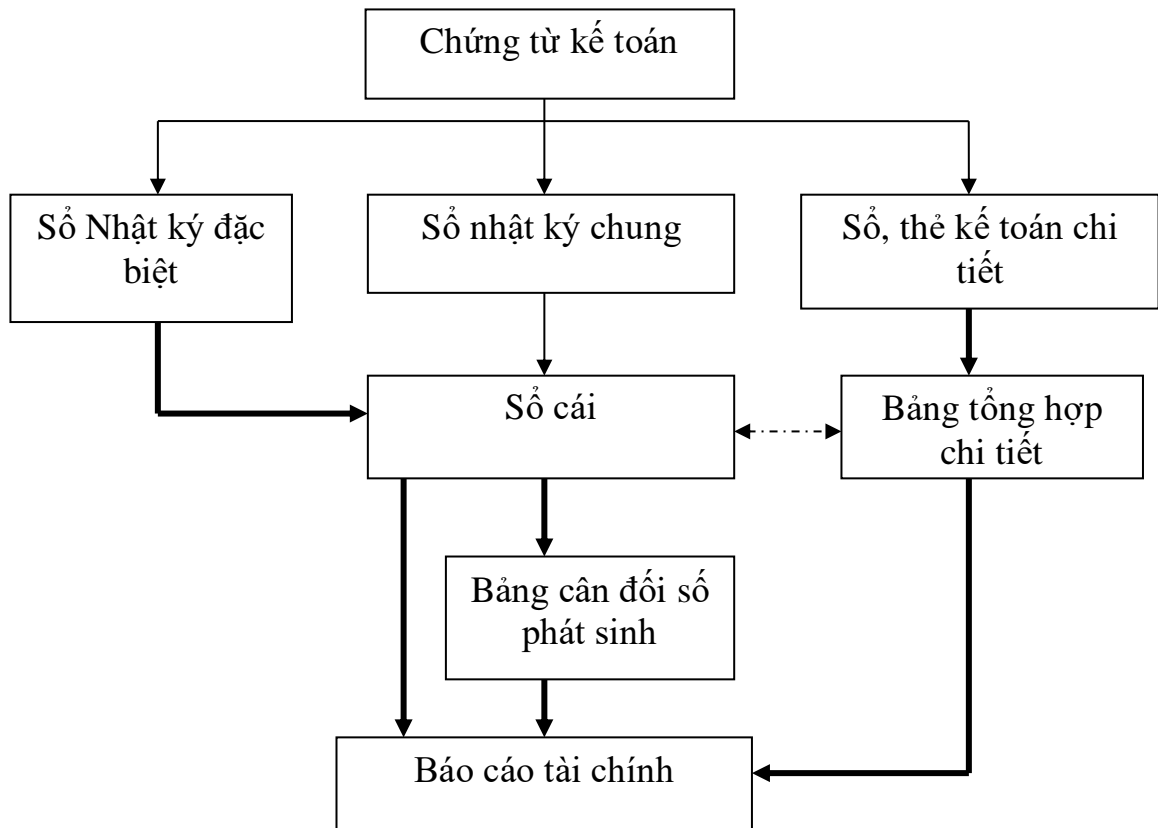
b) Trình tự ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ số phát sinh Có trên

Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

**1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển soe kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là ác chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

### ***1.4.3. Hình thức Chứng từ - Ghi sổ.***

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

### ***1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính.***

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN NHẬT**

### **2.1. Tổng quan về Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.**

#### **2.1.1. Giới thiệu về Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.**

Khởi đầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật là đại lý Nhân Nhật. Để phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế phát triển của nền kinh tế xã hội và xu hướng hội nhập vào nền kinh tế thị trường nên vợ chồng ông bà Tăng Xuân Nhân đã quyết định thay đổi mô hình kinh doanh từ một đại lý nhỏ phát triển thành một công ty có uy tín. Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật được thành lập vào tháng 4 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty có trụ sở kinh doanh, con dấu riêng và đã có tư cách pháp nhân đây là khởi đầu mới của doanh nghiệp.

Tên doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.

Đại chi: Số 78 Lý Thánh Tông, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng.

Số điện thoại: 02253.861.222

Fax: 02253.861.222

Mã số thuế: 0200577651

Email: [congtynhannhat78@gmail.com](mailto:congtynhannhat78@gmail.com)

Số tài khoản: 2122201000672 tại Nhân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quận Đồ Sơn

Thành lập năm 2004 căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0200577651 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh phân phối đồ uống.

Quy mô: Doanh nghiệp vừa và nhỏ.

#### **2.1.2. Thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động**

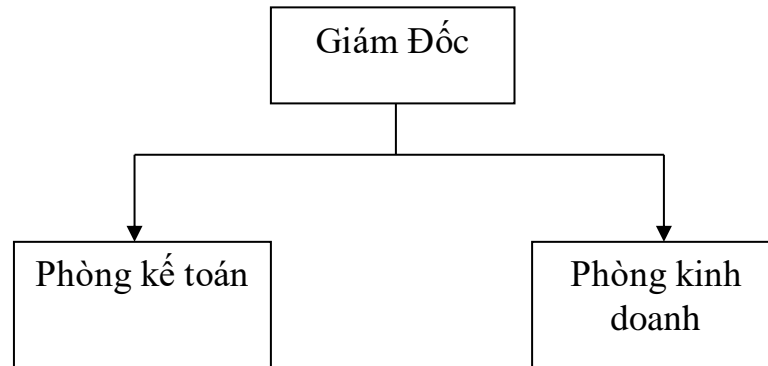
*Thuận lợi:* Đồ uống là lĩnh vực mang lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp do khả năng tiêu thụ trên thị trường là rất lớn. Kèm theo đó trong địa bàn Hải Phòng cũng như các vùng lân cận có rất nhiều các công ty du lịch. Đây là một lợi thế rất lớn cho công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật để khẳng định mình.

*Khó khăn:* Do có nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường, nên tuy đồ uống là một lĩnh vực lớn nhưng việc tiêu thụ được nhiều sản phẩm lại trở nên khó khăn. Theo đây là cạnh tranh về giá, để có một mức giá tốt nhất cho đối tác thì lợi

---

nhuận của doanh nghiệp phải giảm đến mức thấp nhất. Đây là những khó khăn rất lớn.

### **2.1.3. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.**



*Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật*

Chức năng, nhiệm vụ:

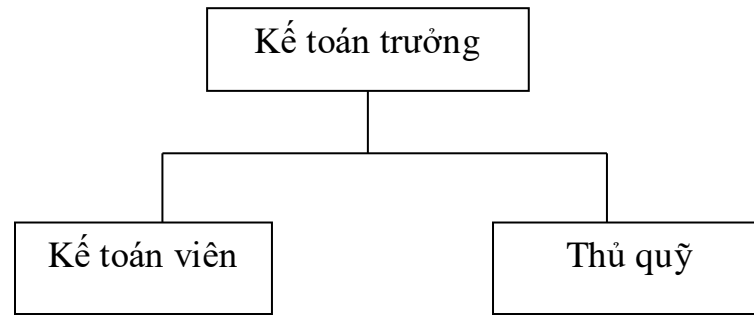
- Giám đốc: là người đại diện hợp pháp của công ty về mọi hoạt động giao dịch, điều hành kinh doanh của công ty trước cơ quan Nhà nước và pháp luật. Quyết định mục tiêu, định hướng phát triển, quản lý giám sát, điều hành các hoạt động thông qua các phòng ban.
- Phòng kế toán: là đơn vị tham mưu cho giám đốc về quản lý tài chính và tổ chức công tác hạch toán kế toán của công ty. Thực hiện đúng các chế độ quy định về quản lý vốn, tài sản và các chế độ khác của nhà nước; tổng hợp các quyết toán tài chính và phân tích tình hình tài chính theo tháng, quý, năm. Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách theo chế độ quy định của nhà nước.
- Phòng kinh doanh: là đơn vị chuyên khai thác, tìm hiểu thị trường, tìm nguồn khách hàng và đưa ra các chiến lược bán hàng phù hợp để nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm.

### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.**

#### **2.1.4.1. Đặc điểm của bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán.





Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

#### Kế toán trưởng:

- Là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán tại công ty.
- Phụ trách tổ chức bộ máy kế toán phù hợp theo yêu cầu quản lý của công ty.
- Tính toán, trích nộp đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách.
- Kiểm tra, ký duyệt các chứng từ kế toán.
- Theo dõi và phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến vốn bằng tiền của công ty
- Hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương, đóng bảo hiểm cho công nhân viên
- Kiểm tra, theo dõi, tổng hợp và lập báo cáo tình hình tài chính của công ty.

#### Kế toán viên:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ thanh toán theo từng đối tượng.
- Theo dõi tình hình xuất nhập hàng hóa để xác định doanh thu bán hàng và tồn kho.
- Theo dõi, tính và trích khấu hao các đối tượng thuộc tài sản của công ty.

#### Thủ quỹ:

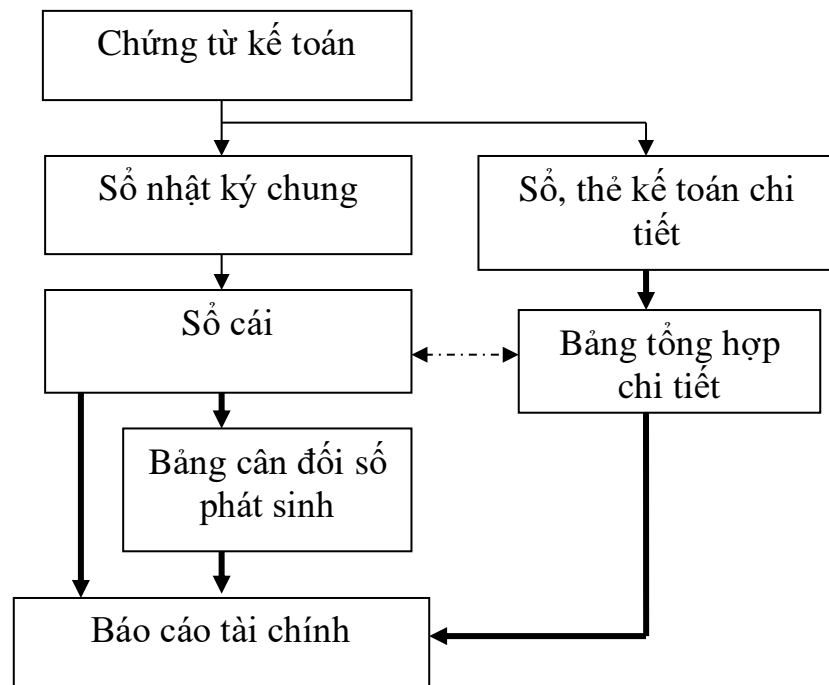
- Quản lý và chịu trách nhiệm về quỹ tiền mặt của công ty.
- Hàng ngày mở sổ ghi chép đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện kiểm kê quỹ cuối ngày, đối chiếu với các bộ phận có liên quan.

### 2.1.4.2. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm Dương lịch.
- Đơn vị sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu hao.
- Phương pháp trích khấu hao: phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định giá xuất kho: áp dụng phương pháp tính giá theo giá đích danh.

### 2.1.4.3. Hình thức ghi sổ kế toán của công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, việc áp dụng hình thức này đã đáp ứng được yêu cầu dễ kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.



#### Ghi chú:

Ghi hàng ngày  →

Ghi cuối tháng, định kỳ  →

Đối chiếu, kiểm tra  ↔

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự kế toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

## 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.

### 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng có thể thu được tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì được ghi nhận là doanh thu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm của doanh nghiệp chủ yếu là do bán các mặt hàng liên quan đến lĩnh vực đồ uống như: bia, rượu, nước ngọt, nước khoáng,...

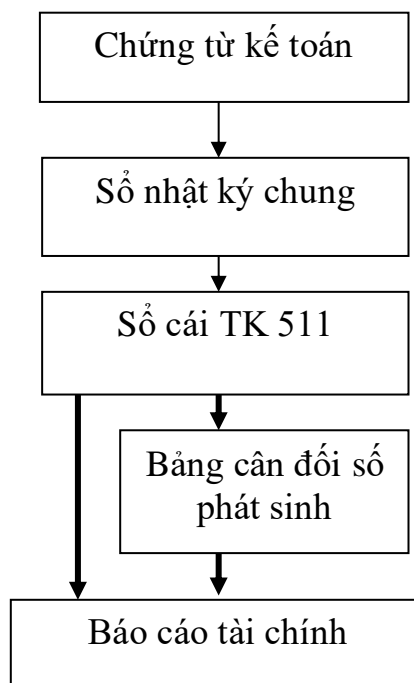
#### 2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng,...
- Các chứng từ liên quan khác.

#### 2.2.1.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 3331



**Ghi chú:**Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$ Ghi cuối tháng, định kỳ  $\longrightarrow$ Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$ 

*Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Nhân Nhật*

**2.2.1.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh**

Ngày 16/07/2016 bán cho công ty Cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương 20 két bia Heniken, 40 thùng bia Sài Gòn, 30 thùng cocacola và 30 thùng nước Lavie, khách hàng đã thanh toán ngay bằng tiền mặt.

ĐK Nợ: TK 111 27.775.000

Có: TK 511 25.250.000

Có: TK 3331 2.525.000

Ngày 19/07/2016 bán cho công ty cổ phần du lịch Hoa Linh 50 két bia Heniken, 50 két bia Hà Nội, 30 thùng Cocacola và 50 thùng nước Lavie, khách hàng chưa thanh toán.

ĐK: Nợ TK 1121: 40.840.000

Có TK 511: 37.100.000

Có TK 3331: 3.710.000

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 001769

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01GTKT3/001

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ký hiệu: AA/16P

Liên 1: Lưu

Số: 0001769

Ngày 16 tháng 07 năm 2016

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH NHÂN NHẬT**Mã số thuế: **0200577651**

Địa chỉ: Số 78 Lý Thánh Tông, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng.

Số tài khoản: 2122201000672 Ngân hàng AGRIBANK – Chi nhánh Đồ Sơn.

Điện thoại: 02253.861.222

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương

Mã số thuế: 0201796409

Địa chỉ: Khu Du lịch Quốc tế Đồi Rồng, Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: TM

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bia Heineken chai	Két	20	335.000	6.700.000
2	Bia Sài Gòn	Thùng	40	265.000	10.600.000
3	Coca Cola lon	Thùng	30	185.000	5.550.000
4	Lavie 500ml	Thùng	30	80.000	2.400.000
Cộng tiền hàng					25.250.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					2.525.000
Tổng cộng tiền thanh toán					27.775.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng/.					

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

## Biểu số 2.2: Phiếu thu số 258

**Đơn vị: Công ty TNHH Nhân Nhật**  
**Địa chỉ: Số 78 Lý Thánh Tông – Đồ Sơn -**  
**HP**

**Mẫu số 01 – TT**  
 (Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

*Ngày 16 tháng 07 năm 2016*

Số: 258

Nợ: TK 111 27.775.000

Có: TK 511 25.250.000

Có: TK 3331 2.525.000

Họ và tên người nộp tiền: Phạm Văn Quyết

Địa chỉ: Công ty cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng – HĐ số 0001769

Số tiền: 27.775.000đ

Viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng/.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

*Ngày 16 tháng 07 năm 2016*

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
 (Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
 (Ký, họ tên)

**Người nộp tiền**  
 (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng/.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

*(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0001772

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01GTKT3/001

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ký hiệu: AA/16P

Liên 1: Lưu

Số: 0001772

Ngày 19 tháng 07 năm 2016

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH NHÂN NHẬT**Mã số thuế: **0200577651**

Địa chỉ: Số 78 Lý Thánh Tông, Phường Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng.

Số tài khoản: 2122201000672 Ngân hàng AGRIBANK – Chi nhánh Đồ Sơn.

Điện thoại: 02253.861.222

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty cổ phần du lịch Hoa Linh

Mã số thuế: 0201778576

Địa chỉ: Đường Yết Kiêu – Khu II, Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bia Heineken chai	Két	50	335.000	16.750.000
2	Bia Hà Nội	Thùng	50	216.000	10.800.000
3	Coca Cola lon	Thùng	30	185.000	5.550.000
4	Lavie 500ml	Thùng	50	80.000	4.000.000
Cộng tiền hàng					37.100.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					3.710.000
Tổng cộng tiền thanh toán					40.840.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn ngàn đồng/.					

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

Biểu số 2.4: Giấy báo Có số 10680

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**  
Chi nhánh : AGRIBANK – Quận Đồ Sơn

Mã GDV:  
Mã KH: 1036

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 19/07/2016

Số GD: 10680

Khính gửi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN NHẬT

Mã số thuế: 0200577651

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 2122201000672

Số tiền bằng số: 40.840.000đ

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn ngàn đồng/.

Nội dung:##Công ty cổ phần du lịch Hoa Linh trả tiền hàng##

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT VIÊN**

*(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*



## Biểu số 2.5: Sổ nhật ký chung

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
**Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP**

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
16/7	PT258	16/7	Bán hàng cho Công ty cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương	1111	27.775.000	
	HĐ00			5111		25.250.000
	01769			3331		2.525.000
...	...	...	...	...	...	...
19/7	GBC	19/7	Bán hàng cho Công ty cổ phần Hoa Linh	1121	40.840.000	
	10680			5111		37.100.000
	HĐ00			3331		3.710.000
01772						
...	....	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>186.150.617.002</b>	<b>186.150.617.002</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

## Biểu số 2.6: Sổ cái tài khoản 511

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511**

**Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**  
**Năm 2016**

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ Ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	...	...	...
HĐ0001 769	16/7	Bán hàng cho Công ty cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương	1111		25.250.000
...	...	...	...	...	...
HĐ0001 772	19/7	Bán hàng cho Công ty cổ phần Hoa Linh	1121		37.100.000
...	...	...	...	...	...
PKT 302	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	24.417.772.867	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>24.417.772.867</b>	<b>24.417.772.867</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

### 2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### 2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

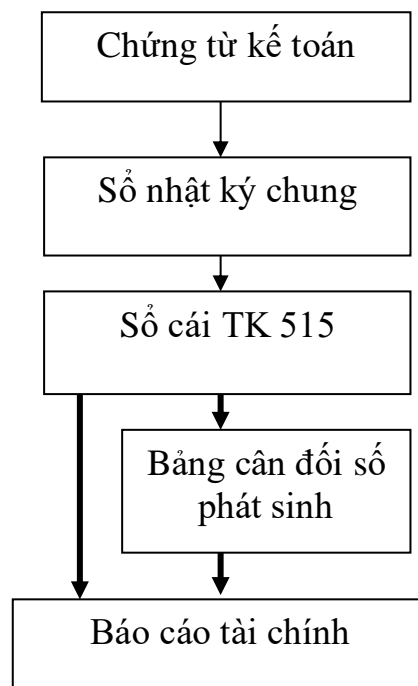
#### 2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Giấy báo Có của ngân hàng

#### 2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Và các tài khoản khác có liên quan



#### Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, định kỳ  $\longrightarrow$

Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Nhân Nhật

### 2.2.3.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 17/07/2016 công ty nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng Agribank về lãi tiền gửi ngân hàng là 253.909đ

ĐK: Nợ TK 1121: 253.909

Có TK 515: 253.909

Ngày 31/12/2016 kết chuyển các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính

ĐK: Nợ TK 515: 16.236.608

Có TK 911: 16.236.608

Biểu số 2.7: Giấy báo Có số 10630

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Chi nhánh : AGRIBANK – Quận Đồ Sơn

Mã GDV:

Mã KH: 1036

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 17/07/2016

Số GD: 10630

Khính gửi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN NHẬT

Mã số thuế: 0200577651

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 2122201000672

Số tiền bằng số: 253.909đ

Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi ba nghìn chín trăm linh chín đồng/.

Nội dung:##Lãi tiền gửi dài hạn##

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT VIÊN**

*(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

Biểu số 2.8: Phiếu kế toán số 303

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP  
Mã số thuế: 0200577651

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 303  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí tài chính	515	911	16.236.608
	<b>Cộng</b>			<b>16.236.608</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)
 **Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

## Biểu số 2.9: Sổ nhật ký chung

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
....	....	....	....	....	....	...
17/7	GBC1 0630	17/7	Lãi tiền gửi dài hạn	1121 515	253.909	253.909
....	....	....	....	....	....	....
31/12	PKT 303	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	16.236.608	16.236.608
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>186.150.617.002</b>	<b>186.150.617.002</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ***(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

Biểu số 2.10: Sổ cái tài khoản 515

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515****Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính****Năm 2016**

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ Ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	...	...	...
GBC10630	17/7	Lãi tiền gửi dài hạn	1121		253.909
...	...	...	...	...	....
PKT 303	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	16.236.608	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>16.236.608</b>	<b>16.236.608</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ***(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*



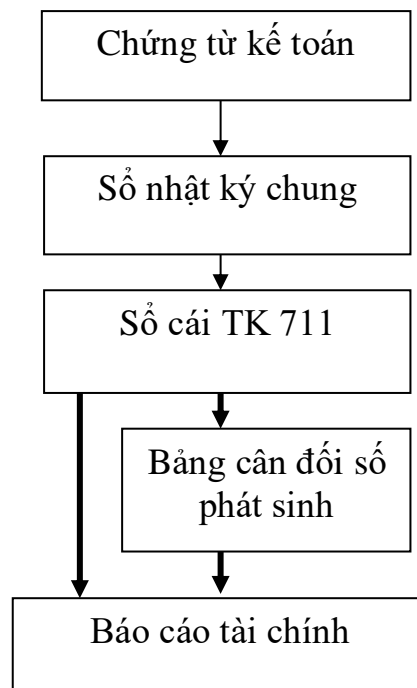
### 2.2.4. Kế toán các khoản thu nhập khác tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.

#### 2.2.4.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao
- Các chứng từ liên quan khác

#### 2.2.4.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Tài khoản 711 – Thu nhập khác



#### Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, định kỳ  $\longrightarrow$

Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán thu nhập khác tại công ty TNHH Nhân Nhật

#### 2.2.4.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến các khoản thu nhập khác.

### 2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa xuất bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp tính giá theo giá đích danh

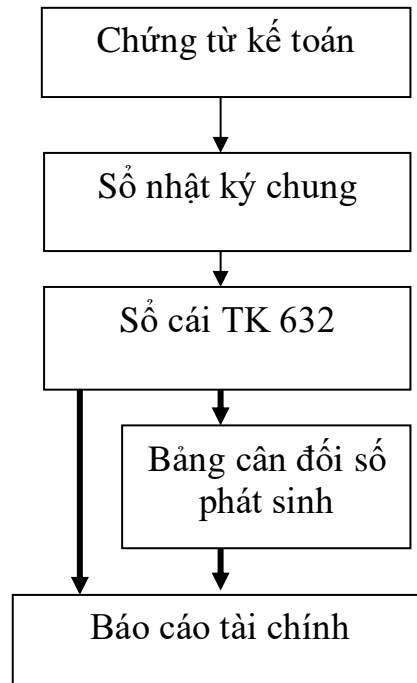
#### 2.2.5.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho

- Biên bản bàn giao
- Các chứng từ liên quan khác

### 2.2.5.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán và các tài khoản có liên quan khác



#### Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, định kỳ  $\longrightarrow$

*Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán doanh giá vốn hàng bán tại công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật*

### 2.2.5.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 16/07/2016 bán cho công ty Cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương 20 két bia Heniken, 40 thùng bia Sài Gòn, 30 thùng cocacola và 30 thùng nước Lavie, khách hàng đã thanh toán ngay bằng tiền mặt.

ĐK: Nợ TK 632: 24.300.000

Có TK 156: 24.300.000

Ngày 19/07/2016 bán cho công ty cổ phần du lịch Hoa Linh 50 két bia Heniken, 50 két bia Hà Nội, 50 thùng Cocacola và 30 thùng nước Lavie, khách hàng chưa thanh toán.

ĐK: Nợ TK 632: 35.930.000

Có TK 156: 35.930.000

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 0001542

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số 02-VT**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 16 tháng 07 năm 2016

Số: 0001542

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Quốc Việt  
doanh

Địa chỉ: phòng kinh

Lý do xuất: xuất hàng đem bán

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Bia Sài Gòn	SG	thùng	40	40	255.000	10.200.000
2	Bia Heniken	KEN	két	20	20	327.000	6.540.000
3	Cocacola lon	CC	thùng	30	30	176.000	5.280.000
4	Lavie	LA	thùng	30	30	76.000	2.280.000
	Cộng tiền hàng						24.300.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tư triệu ba trăm ngàn đồng chẵn/.

Ngày 16 tháng 07 năm 2016

**Người lập  
phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người giao  
hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán  
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho số 0001550

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số 02-VT**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 19 tháng 07 năm 2016

Số: 0001550

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hưng

Địa chỉ: phòng kinh

doanh

Lý do xuất: xuất hàng đem bán

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Bia Hà Nội	HN	thùng	50	50	210.000	10.500.000
2	Bia Heniken	KEN	két	50	50	327.000	16.350.000
3	Cocacola lon	CC	thùng	30	30	176.000	5.280.000
4	Lavie	LA	thùng	50	50	76.000	3.800.000
	Cộng tiền hàng						35.930.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng chẵn/.

Ngày 19 tháng 07 năm 2016

**Người lập  
phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người giao  
hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán  
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

## Biểu số 2.13: Sổ nhật ký chung

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
16/7	PX000 1542	16/7	Bán hàng cho Công ty cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương	632	24.300.000	
				156		24.300.000
...	...	...	...	...	...	...
19/7	PX000 1550	19/7	Bán hàng cho Công ty cổ phần Hoa Linh	632	35.930.000	
				156		35.930.000
...	....	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>186.150.617.002</b>	<b>186.150.617.002</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

Biểu số 2.14: Sổ cái tài khoản 632

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632**  
**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**  
**Năm 2016**

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	...	...	...
PX0001 542	16/7	Bán hàng cho Công ty cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương	156	24.300.000	
...	...	...	...	...	...
PX0001 550	19/7	Bán hàng cho Công ty cổ phần Hoa Linh	156	35.930.000	
...	...	...	...	...	...
PKT 304	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		23.451.369.476
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>23.451.639.476</b>	<b>23.451.639.476</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

### 2.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

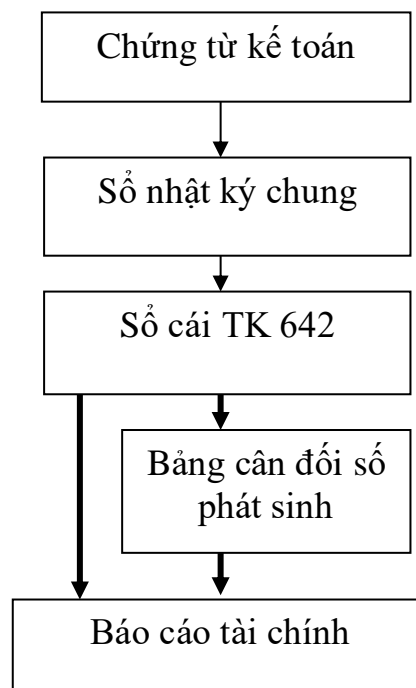
Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản như: chi phí nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng; chi phí khấu hao TSCĐ; các loại chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí điện nước, điện thoại, chi tiếp khách...

#### 2.2.6.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương

#### 2.2.6.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Sử dụng tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp



#### Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ →

*Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Nhân Nhật*

*2.2.6.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh*

Ngày 05/07/2016 công ty mua đồ dùng văn phòng phẩm là 400.810 đồng.

ĐK:       Nợ TK6422: 370.100

          Nợ TK 1331: 30.710

          Có TK 111: 400.810

Ngày 11/07/2016, Vũ Duy Quang trưởng phòng kinh doanh thanh toán chi phí tiếp đối tác là 2.970.000 đồng.

ĐK:       Nợ TK6421: 2.700.000

          Nợ TK 1331: 270.000

          Có TK 111: 2.970.000



Biểu số 2.15: Hóa đơn GTGT số 009737

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng  
Ngày 05 tháng 07 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/16P

Số:009737

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM&amp;DV Minh Huy

Địa chỉ: Số 14 Lô 22 – Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 02253.568.828 

0	2
---	---

0	1	1	2	8	7	1
---	---	---	---	---	---	---

5	
---	--

MS:

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Hiền

Tên đơn vị: Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

Địa chỉ: 78 Lý Thánh Tông – Đồ Sơn – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Bút bi Bến Nghé B30	Hộp	3	12.500	37.500
2	Giấy in A4 DDL70/90	thùng	4	59.000	236.000
3	Kẹp Clip 25mm	Hộp	6	5.600	33.600
Cộng tiền hàng:					370.100
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		30.710	
Tổng cộng tiền thanh toán:					400.810
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm nghìn tám trăm mười đồng/.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)	

*(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

Biểu số 2.16: Phiếu chi số 150

**Đơn vị: Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Địa chỉ: Số 78 Lý Thánh Tông – Đồ Sơn - HP

**Mẫu số 02 – TT**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## PHIẾU CHI

*Ngày 05 tháng 07 năm 2016*

Số: 150

Nợ TK6422: 370.100

Nợ TK 1331: 30.710

Có TK 111: 400.810

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hiền

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: chi tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 400.810đ

Viết bằng chữ: Bốn trăm nghìn tám trăm mười đồng/.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

*Ngày 05 tháng 07 năm 2016*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm nghìn tám trăm mười đồng/.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

*(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

Biểu số 2.17: Hóa đơn GTGT số 004932

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**Liên 2: Giao khách hàng  
Ngày 11 tháng 07 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/16P

Số:004932

Đơn vị bán hàng: Nhà hàng Hoa Lan

Địa chỉ: Bến Thóc – Khu I – Đồ Sơn – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 02253864555

0 2

0 1 7 5 5 7 0

9

MS:

Họ tên người mua hàng: Vũ Duy Quang

Tên đơn vị: Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

Địa chỉ: 78 Lý Thánh Tông – Đồ Sơn – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Bia Hà Nội chai 450ml	chai	8	25.000	200.000
2	Bề bề hấp	cân	1	300.000	300.000
3	Cá song	cân	3	400.000	1.200.000
4	Cua	cân	2	500.000	1.000.000
Cộng tiền hàng:					2.700.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			270.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.970.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn /.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)	

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

Biểu số 2.18: Phiếu chi số 156

**Đơn vị: Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Địa chỉ: Số 78 Lý Thánh Tông – Đồ Sơn - HP

**Mẫu số 02 – TT**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## PHIẾU CHI

*Ngày 11 tháng 07 năm 2016*

Số: 156

Nợ TK 6422: 2.700.000

Nợ TK 1331: 270.000

Có TK 1111: 2.970.000

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Duy Quang

Địa chỉ: Trưởng phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền chi phí tiếp đối tác

Số tiền: 2.970.000đ

Viết bằng chữ: Hai triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn/.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

*Ngày 11 tháng 07 năm 2016*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>trưởng</b> (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	<b>phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>tiền</b> (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn/.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

*(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

## Biểu số 2.19: Sổ nhật ký chung

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
05/7	HD00	05/7	Mua văn phòng phẩm	6422	370.100	
	9737			1331	30.710	
	PC163			1111		400.810
...	...	...	....	...	...	...
11/7	HD00	11/7	Thanh toán tiền chi phí tiếp đối tác	6422	2.700.000	
	4932			1331	270.000	
	PC156			1111		2.970.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>186.150.617.002</b>	<b>186.150.617.002</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)

Biểu số 2.20: Sổ cái tài khoản 642

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp**  
**Năm 2016**

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ U	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	...	...	...
HD0097 37	05/7	Mua văn phòng phẩm	1111	370.100	
...	...	...	...	...	...
HD0049 32	11/7	Thanh toán tiền chi phí tiếp đối tác	1111	2.700.000	
...	...	...	...	...	...
PKT 306	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		786.091.146
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>786.091.146</b>	<b>786.091.146</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ***(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

## 2.2.7. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật

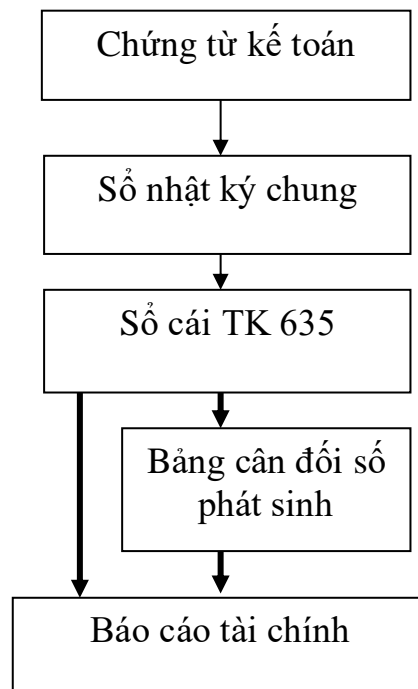
### 2.2.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Giấy báo Nợ của ngân hàng

### 2.2.7.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Và các tài khoản có liên quan khác



### Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, định kỳ  $\longrightarrow$

*Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Nhân Nhật*

### 2.2.7.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 26/07/2016 công ty trả tiền lãi vay cho ngân hàng là 5.690.178đ, đã nhận được Giấy báo Nợ.

ĐK: Nợ TK 635: 5.690.178

Có TK 1121: 5.690.178

Ngày 31/12/2016 kết chuyển các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính

ĐK: Nợ TK 911: 98.149.724

Có TK 635: 98.149.724

Biểu số 2.21: Giấy báo Nợ số 10521

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Chi nhánh : AGRIBANK – Quận Đồ Sơn

Mã GDV:

Mã KH: 1036

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 26/07/2016

Số GD: 10521

Khính gửi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN NHẬT

Mã số thuế: 0200577651

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 2122201000672

Số tiền bằng số: 5.690.178đ

Số tiền bằng chữ: Năm triệu sáu trăm chín mươi ngàn một trăm bảy mươi tám đồng/.

Nội dung:## Trả tiền lãi vay ##

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT VIÊN**

*(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*



Biểu số 2.22: Phiếu kế toán 305

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP  
Mã số thuế: 0200577651

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 305  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	98.149.724
	<b>Cộng</b>			<b>98.149.724</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)
 **Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

## Biểu số 2.23: Sổ nhật ký chung

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
**Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP**

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
26/07	GBN 10521	26/07	Trả tiền lãi vay	635	5.690.178	
				1121		5.690.178
...	....	...	...	...	...	...
31/12	PKT 305	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	98.149.724	
				635		98.149.724
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>186.150.617.002</b>	<b>186.150.617.002</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ***(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

Biểu số 2.24: Sổ cái tài khoản 635

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
**Số 78 Lý Thái Tông, Đồ Sơn, HP**

**Mẫu số S03b-DNN**  
 (Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635**  
**Tên tài khoản: Chi phí tài chính**  
**Năm 2016**

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ U	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	...	...	...
GBN10521	26/07	Trả tiền lãi vay	1121	5.690.178	
...	...	...	...	...	...
PKT 305	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		98.149.724
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>98.149.724</b>	<b>98.149.724</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(ký, họ tên, đóng dấu)*

*(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Nhân Nhật năm 2016)*

### 2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.

#### 2.2.8.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

#### 2.2.8.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng: các phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng:
  - TK911 – Xác định kết quả kinh doanh
  - TK821 – Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
  - TK4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay
  - Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK911, TK821, TK421, ...

#### 2.2.8.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2016:

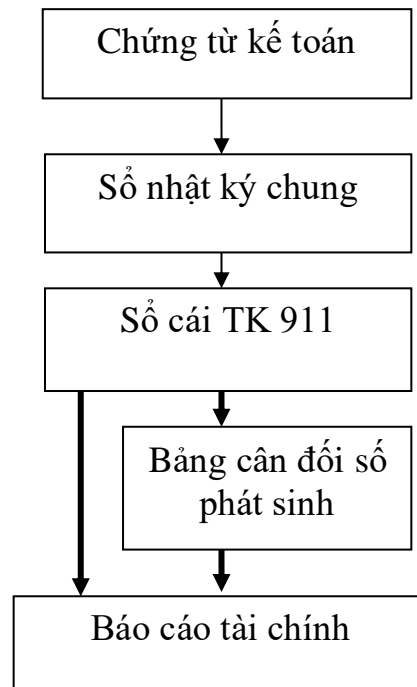
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	24.417.772.867
- Doanh thu tài chính:	16.236.608
- Giá vốn hàng bán:	23.451.639.476
- Chi phí tài chính:	98.149.724
- Chi phí quản lý kinh doanh:	786.091.146
- Kết quả kinh doanh = (24.417.772.867 + 16.236.608) – (23.451.639.476 + 98.149.724 + 786.091.146) =	98.129.129đ

⇒ Trong năm 2016 doanh nghiệp đạt lợi nhuận trước thuế là: 98.129.129đ

⇒ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp =  $98.129.129 \times 20\% = 19.625.826đ$

⇒ Lợi nhuận sau thuế =  $98.129.129 - 19.625.826 = 78.503.303đ$

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 302, 303, 304, 305, 306.



### Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, định kỳ  $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

*Sơ đồ 2.10: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nhân Nhật*

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 302

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP  
Mã số thuế: 0200577651

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 302  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	24.417.772.867
	<b>Cộng</b>			<b>24.417.772.867</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 303

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP  
Mã số thuế: 0200577651

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 303  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	16.236.608
	<b>Cộng</b>			<b>16.236.608</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 304

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP  
Mã số thuế: 0200577651

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 304  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	23.451.639.476
	<b>Cộng</b>			<b>23.451.639.476</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 305

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP  
Mã số thuế: 0200577651

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 305  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	98.149.724
	<b>Cộng</b>			<b>98.149.724</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 306

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP  
Mã số thuế: 0200577651

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 306  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	786.091.146
	<b>Cộng</b>			<b>786.091.146</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu** (Ký, họ tên) **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 307

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP  
Mã số thuế: 0200577651

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số 307  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	19.625.826
	<b>Cộng</b>			<b>19.625.826</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu** (Ký, họ tên) **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)





## Biểu số 2.33: Sổ Nhật ký chung

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 302	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	24.417.772.867	
				911		24.417.772.867
31/12	PKT 303	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	16.236.608	
				911		16.236.608
31/12	PKT 304	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	23.451.639.476	
				632		23.451.639.476
31/12	PKT 305	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	98.149.724	
				635		98.149.724
31/12	PKT 306	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	786.091.146	
				642		786.091.146
31/12	PKT 307	31/12	Xác định thuế TNDN	821	19.625.826	
				3334		19.625.826
31/12	PKT 308	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	19.625.826	
				821		19.625.826
31/12	PKT 309	31/13	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	78.503.303	
				421		78.503.303
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>186.150.617.002</b>	<b>186.150.617.002</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.34: Sổ cái tài khoản 911

**Công ty TNHH Nhân Nhật**  
**Số 78 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, HP**

**Mẫu số S03b-DNN**  
 (Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911****Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh****Năm 2016**

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
PKT 302	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		24.417.772.867
PKT 303	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		16.236.608
PKT 304	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	23.451.639.476	
PKT 305	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	98.149.724	
PKT 306	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	786.091.146	
PKT 308	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	19.625.826	
PKT 309	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	78.503.303	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>24.434.009.475</b>	<b>24.434.009.475</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

## Biểu số 2.35: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**Mẫu số B-02/DNN**  
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2016

Người nộp thuế: Công ty TNHH Nhân Nhật

Mã số thuế: 

0	2	0	0	5	7	7	6	5	1				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Địa chỉ trụ sở: Số 78 Lý Thánh Tông – Quận Đồ Sơn – Thành Phố Hải Phòng.

Điện thoại: 02253.861.222 Fax: 02253.861.222

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.08	24.417.772.867	22.929.349.976
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10		24.417.772.867	22.929.349.976
4. Giá vốn hàng bán	11		23.451.639.476	22.279.228.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		966.133.391	650.121.935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		16.236.608	1.131.233
7. Chi phí tài chính	22		98.149.724	93.855.744
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		98.149.724	93.855.744
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		786.091.146	792.649.867
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh[ 30 = 20 + 21 - 22 - 24 ]	30		98.129.129	-235.252.443
10. Thu nhập khác	31			250.976.816
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40			250.976.816
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50	IV.09	98.129.129	15.724.373
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		19.625.826	3.144.875
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		78.503.303	12.579.498

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Số chứng chỉ hành nghề;
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN NHẬT**

#### **3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.**

##### **3.1.1. Ưu điểm của công ty.**

Qua thời gian thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật, em đã có cơ hội học tập cũng như hiểu biết thêm về công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp, so sánh và đối chiếu giữa những kiến thức đã học được tại trường với thực tế trong doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của doanh nghiệp có những ưu điểm sau:

- Về tổ chức bộ máy kế toán:
  - Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán đều tập trung tại phòng kế toán của doanh nghiệp, thuận lợi cho việc quản lý, giám sát, theo dõi tình hình, tránh tình trạng thất lạc các chứng từ cũng như sai sót trong quá trình công tác kế toán.
  - Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên tạo thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu với các bộ phận có liên quan một cách chính xác. Giúp cho việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi, cũng như công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.
- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh.
- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán, công ty mở các loại sổ sách theo hình thức Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết...). Việc áp dụng hình thức nhật ký chung giúp công ty đơn giản hóa được công việc kế toán, từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện phân công công việc, theo dõi, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các loại sổ sách.
- Về việc kế toán các khoản doanh thu, chi phí tại công ty đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời, cuối kỳ tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

### **3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.**

Ngoài những ưu điểm kể trên vẫn còn một số những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Về hệ thống sổ sách kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán: kế toán chỉ sử dụng sổ cái TK 511 và sổ cái TK 632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho việc theo dõi các khoản doanh thu, chi phí. Điều này làm cho chủ doanh nghiệp không nắm bắt được tình hình tiêu thụ các loại mặt hàng một cách cụ thể, chi tiết.
- Về việc ứng dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán: công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán hàng ngày mà chỉ sử dụng công cụ tính toán trên bảng tính Excel. Việc tính toán như vậy đã lỗi thời, dẫn đến việc đối chiếu giữa các số liệu trở nên rườm rà và phức tạp, hiệu suất làm việc trở nên chậm chạp.

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.**

#### **3.2.1. Giải pháp 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ tạo động lực cho khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời hạn tránh tình trạng nguồn vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng lớn và khó đòi.

Mức chiết khấu thanh toán của công ty có thể được xây dựng dựa theo các chiến lược cũng như tình hình thực tế tại công ty, doanh nghiệp cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

Khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Phương pháp hạch toán, căn cứ vào phiếu chi

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: Nếu bù trừ luôn vào khoản phải thu

Có TK 111, 112: Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

**Có TK 635: Chi phí tài chính**

Căn cứ vào tình hình của công ty, em xin đề xuất mức tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

- Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 20 ngày: 0.6%
- Khách hàng thanh toán trước thời hạn trên 30 ngày: 1%

Ví dụ: Ngày 16/07/2016 bán hàng cho công ty Cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương với tổng giá thanh toán là 27.775.000 đồng. Hạn thanh toán là 16/08/2016. Do khách hàng thanh toán sớm 30 ngày nên được hưởng chiết khấu thanh toán 1%, công ty viết phiếu chi cho khoản chiết khấu thanh toán.

ĐK: Nợ TK 635:  $27.775.000 \times 1\% = 277.750$

Có TK 111: 277.750

**Đơn vị: Công ty TNHH Nhân Nhật****Mẫu số 02 – TT**

Địa chỉ: Số 78 Lý Thánh Tông – Đồ Sơn - HP

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI***Ngày 16 tháng 07 năm 2016*

Số: 172

Nợ TK635: 277.750

Có TK 111: 277.750

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Quyết

Địa chỉ: Công ty cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương

Lý do chi: chiết khấu thanh toán

Số tiền: 277.750đ

Viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng/.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

*Ngày 16 tháng 07 năm 2016*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>trưởng</b>	(Ký, họ tên)	<b>phiếu</b>	<b>tiền</b>
	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm nghìn tám trăm mười đồng/.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)



### 3.2.2. Giải pháp 2: Doanh nghiệp nên áp dụng các phần mềm kế toán.

Việc áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán đang là xu hướng hiện nay với ưu điểm là mang lại hiệu quả cao trong công việc. Do đó công ty nên xem xét mua một trong những phần mềm kế toán thông dụng nhất hiện nay như MISA, Fast Accounting.... Với những phần mềm này công việc kế toán sẽ trở nên gọn nhẹ, nhanh chóng, mang lại hiệu quả cao trong việc.

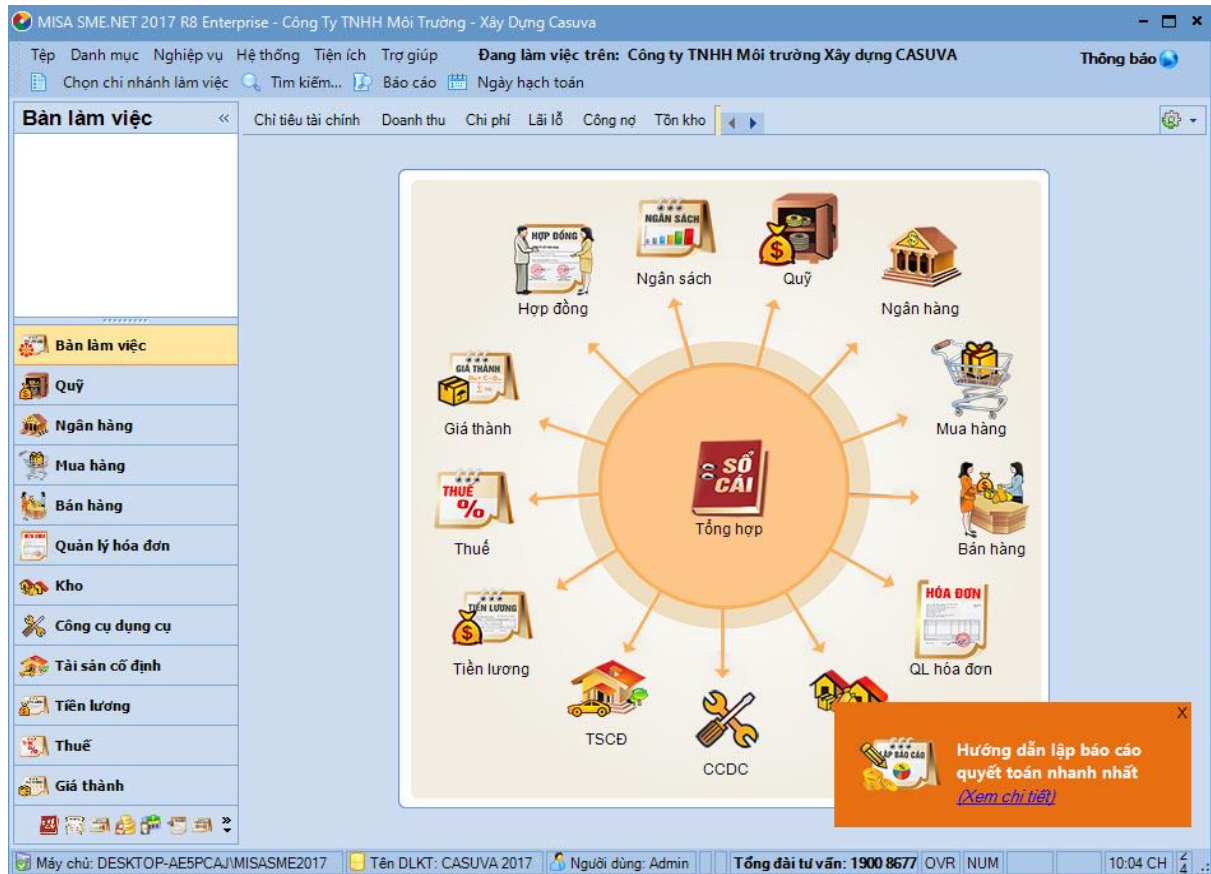
Dưới đây là một vài phần mềm phổ biến nhất:

#### ❖ Phần mềm kế toán MISA

MISA SME.NET 2017 đang là phiên bản mới nhất của phần mềm kế toán MISA là phần mềm kế toán thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học mà vẫn có thể quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Ưu điểm là dễ dàng sử dụng, cập nhật liên tục các chế độ kế toán mới nhất, độ chính xác cao, khả năng bảo mật gần như tuyệt đối, có đầy đủ nghiệp vụ kế toán đặc thù cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017

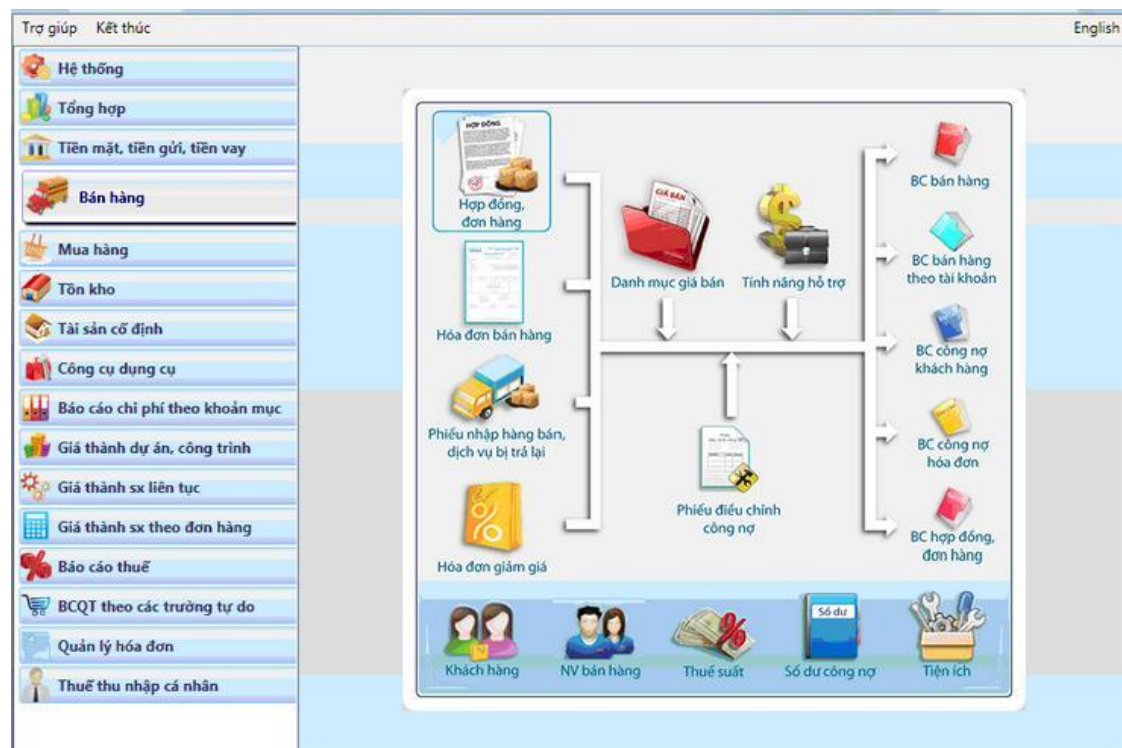


### ❖ Phần mềm kế toán Fast Accounting

Phần mềm kế toán Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến cấp tập đoàn.

Ưu điểm: giao diện thân thiện, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting



### 3.2.3. Giải pháp 3: Cập nhật hệ thống các sổ sách và chứng từ.

Để thực hiện và tuân thủ đúng các chính sách của nhà nước công ty cần nhanh chóng cập nhật các chính sách kế toán mới nhất. Cụ thể, đó là hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bộ tài chính từ quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 được thay thế bởi thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 có hiệu lực từ ngày 1/1/2017.

**Trong đó có những thay đổi cơ bản sau:**

- Những tài khoản được bổ sung thêm:

TK 128 – Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

TK 136 – Phải thu nội bộ

TK 151 – Hàng mua đang đi đường

TK 228 – Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

TK 336 – Phải trả nội bộ

- *Những tài khoản bị xóa bỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC :*

TK 142 – trả trước ngắn hạn

TK 159 – Các khoản dự phòng

TK 171 - Giao dịch mua bán lại trái phiếu của Chính phủ

TK 221 – Đầu tư tài chính dài hạn

TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

TK 311 – Vay ngắn hạn

TK 315 – Nợ dài hạn đến hạn trả

TK 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

TK ngoài bảng: 001, 002, 003, 004, 007.

- Doanh nghiệp có thể mở thêm các tài khoản cấp 2 và cấp 3 đối với những tài khoản không có quy định tại danh mục.

Một số mẫu sổ sách theo thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số 01 - TT**(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của  
Bộ Tài chính)**PHIẾU THU**

Ngày.... tháng.... năm....

Quyển số:.....

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ và tên người nộp tiền: .....

Địa chỉ: .....

Lý do nộp: .....

Số tiền: ..... (Viết bằng chữ):.....

.....

Kèm theo: ..... Chứng từ gốc:

Ngày.... tháng.... năm....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng  
dấu)**Kế toán  
trưởng**  
(Ký, họ tên)**Người nộp  
tiền**  
(Ký, họ tên)**Người lập  
phiếu**  
(Ký, họ tên)**Thủ quỹ**  
(Ký, họ  
tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ: .....

+ Số tiền quy đổi: .....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số 02 - TT**(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của  
Bộ Tài chính)**PHIẾU CHI**

Ngày.... tháng.... năm....

Quyển số:.....

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ và tên người nhận tiền: .....

Địa chỉ: .....

Lý do chi: .....

Số tiền: ..... (Viết bằng chữ):.....

.....

Kèm theo: ..... Chứng từ gốc:

Ngày.... tháng.... năm....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng  
dấu)**Kế toán**  
**trưởng**  
(Ký, họ tên)**Thủ quỹ**  
(Ký, họ  
tên)**Người lập**  
**phiếu**  
(Ký, họ tên)**Người nhận**  
**tiền**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ: .....

+ Số tiền quy đổi: .....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của  
Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm...

Đơn vị tính:.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau	X	X	X		

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)Ngày ... tháng ... năm ...  
**Người đại diện theo pháp  
luật**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số S03b-DNN**  
 (Ban hành theo Thông tư số  
 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của  
 Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm...

Tên tài khoản .....

Số hiệu.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng					
			- Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...  
**Người đại diện theo pháp  
 luật**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

## KẾT LUẬN

Qua đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật” em đã trình bày và làm rõ một số vấn đề sau:

- Về mặt lý luận:

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo thông tư 133/2016/TT – BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

- Về mặt thực tiễn:

- Phản ánh thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.
- Đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.
- Đề xuất được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức của bản thân còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, cũng như những ý kiến từ phía thầy, cô nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn ThS. Phạm Thị Nga, các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các anh chị tại phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật đã giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133 (2016), Bộ tài chính
2. Quyết định số 48 (2006), Bộ tài chính
3. Ngô Thế Chi & Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, nhà xuất bản tài chính
4. Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhân Nhật: Tài liệu, sổ sách kế toán (2016)